

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLEI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
Số: /KH-UBND	<i>Đắk Glei, ngày tháng năm 2021</i>

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn huyện Đắk Glei
giai đoạn 2021 - 2030

Căn cứ Kế hoạch số 3993/KH-UBND ngày 05/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 – 2030.

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cải cách hành chính phải vì lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

2. Các nhiệm vụ, nội dung cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

II. NỘI DUNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

- Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 tập trung vào 06 nội dung: (1) Cải cách thể chế; (2) Cải cách thủ tục hành chính; (3) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; (4) Cải cách chế độ công vụ; (5) Cải cách tài chính công; (6) Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Trọng tâm cải cách hành chính 10 năm tới là: (1) Cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; (2) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao và sự phát triển đất nước; (3) Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

1. Cải cách thể chế:

a. Mục tiêu: Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, khả thi, hợp pháp; triển khai kịp thời văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, tỉnh; xây dựng, ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh các quan hệ kinh tế - xã hội mới phát sinh.

b. Nhiệm vụ:

- Thường xuyên rà soát văn bản quy phạm pháp luật nhằm sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ những quy định không phù hợp.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thẩm định tính hợp pháp, hợp lý các văn bản quy phạm pháp luật; hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực; kịp

thời triển khai, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật để cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân biết, thực hiện.

- Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật. Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật trên địa bàn huyện.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a. Mục tiêu: Cải cách quyết liệt, hiệu quả thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước; rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

- *Đến năm 2025:*

+ Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

+ Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

+ 100% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến trong đó tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

+ Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ 100% thủ tục hành chính mức độ 3 và 4 đủ điều kiện được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt 50%.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

+ 100% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

+ 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- *Đến năm 2030:*

+ 100% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, trong đó tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên.

+ 100% thủ tục hành chính mức độ 3 và 4 đủ điều kiện được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt 80%.

+ 90% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

b. Nhiệm vụ

- Đẩy mạnh thực hiện phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát Nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, địa giới hành chính, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền hà cho Nhân dân.

- Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện để đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; đề xuất loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; đề xuất tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định không cần thiết, không hợp lý. Tổ chức triển khai có kết quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai thủ tục hành chính dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Vận hành và khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của huyện.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a. Mục tiêu: Khẩn trương hoàn thành việc rà soát, sắp xếp tinh gọn bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh.

- Đến năm 2025:

+ Giảm tối thiểu bình quân 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

- Đến năm 2030:

+ Tiếp tục giảm bình quân 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

b. Nhiệm vụ

- Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

- Tiếp tục thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

- Sắp xếp, giảm tối đa các ban quản lý dự án, các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

- Thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần.

4. Cải cách chế độ công vụ

a. Mục tiêu:

- Đến năm 2025: Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- Đến năm 2030: Có 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ từ cao đẳng, đại học và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

b. Nhiệm vụ

- Kịp thời triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản, quy định mới về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức; cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu và phù hợp thực tế của địa phương, đơn vị.

- Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; thực hiện nghiêm túc việc tuyển dụng, thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tiếp tục thí điểm, hướng đến triển khai trên diện rộng việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Nâng cao chất lượng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức thực hiện tốt chế độ, chính sách, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu thực thi công vụ.

- Thực hiện tốt công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; từng bước lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ

và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, kết quả thực hiện nhiệm vụ đảm bảo phù hợp thực tế của địa phương, đơn vị.

5. Cải cách tài chính công

a. Mục tiêu

- *Đến năm 2025*: Có tối thiểu khoảng 05% đến 10% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư⁽¹⁾.

- *Đến năm 2030*: Phân đầu giảm bình quân khoảng 10% đến 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

b. Nhiệm vụ

- Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính. Thực hiện phân bổ ngân sách nhà nước tập trung, sử dụng hiệu quả; đảm bảo cơ cấu chi ngân sách nhà nước vững chắc theo hướng điều chỉnh giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, tăng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Tăng cường cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm các quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi, phân phối thu nhập bổ sung; thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập.

- Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công.

- Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa, trong đó: rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ...

- Chuyển đổi và từng bước nâng mức độ tự chủ chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp công lập đáp ứng mục tiêu đề ra.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

¹ Dự kiến thực hiện đến năm 2025 là 5 đơn vị (55 đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác x 10 %)

a. Mục tiêu

- Đến năm 2025:

+ Hoàn thiện kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa Công dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh và Công dịch vụ công quốc gia với Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả điện tử một cửa của huyện.

+ 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền.

+ 80% các hệ thống thông tin của ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành không phải cung cấp lại.

+ Hoàn thiện kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, huyện và Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

+ 100% hồ sơ công việc tại cấp huyện và cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

+ 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Triển khai, nhân rộng hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc: phấn đấu trên 50% cấp huyện, cấp xã thực hiện họp thông qua hệ thống này đối với các cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

- Đến năm 2030:

+ 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

+ Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật*) đạt 100%.

+ 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Tối thiểu 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.

+ Triển khai, nhân rộng hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc: phấn đấu tối thiểu 80% cấp huyện, cấp xã thực hiện họp thông qua hệ thống này đối với các cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

b. Nhiệm vụ:

- Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng mức độ chính quyền điện tử các cấp phù hợp với đặc thù địa phương⁽²⁾, đảm bảo ít nhất 60% cấp xã đủ điều kiện xếp hạng mức độ chính quyền điện tử.

- Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng và phát triển các nền tảng chính quyền điện tử phù hợp với Kiến trúc chính quyền điện tử 2.0 và cập nhật theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, của tỉnh.

- Tăng cường triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn thông tin; thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho

² Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 1231/UBND-KGVX ngày 26 tháng 4 năm 2021 về nâng cao hiệu quả thực hiện Quyết định số 2392/QĐ-BTTTT ngày 25/12/2017 trên địa bàn tỉnh.

các hệ thống thông tin thuộc trách nhiệm quản lý để kịp thời khắc phục các lỗi hỏng, nguy cơ mất an toàn thông tin, cơ sở dữ liệu.

- Ưu tiên việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa các cấp; tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin, trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng.

- Có giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ và tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước thông qua đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, tổ chức; cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ cá nhân và tổ chức mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau. Ứng dụng công nghệ thông tin để giảm thời gian, số lần trong một năm cá nhân, tổ chức phải đến trực tiếp cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính.

- Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành hoạt động của cơ quan hành chính thông qua việc sử dụng hiệu quả mạng thông tin điện tử hành chính.

- Xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan hành chính nhà nước theo Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2030.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng các Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương; công bố danh mục các dịch vụ hành chính công trên mạng thông tin điện tử hành chính của các cơ quan nhà nước trên Internet. Xây dựng và sử dụng thống nhất biểu mẫu điện tử trong giao dịch giữa cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức và cá nhân, đáp ứng yêu cầu đơn giản và cải cách thủ tục hành chính.

- Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống giao ban trực tuyến đa phương tiện đảm bảo phát huy hiệu quả hệ thống giao ban trực tuyến đa phương tiện trong việc tham gia họp trực tuyến với Trung ương và tổ chức các cuộc họp trực tuyến của các ngành và cấp huyện, cấp xã.

- Phát triển hạ tầng Công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

- Tiếp tục phát triển, hoàn thiện các ứng dụng, dịch vụ nội bộ: Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, Hệ thống phần mềm cơ sở phục vụ công tác chuyên ngành, công tác chỉ đạo điều hành; Trục liên thông văn bản quốc gia.

- Tiếp tục phát triển, hoàn thiện Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả điện tử một cửa của huyện; Hoàn thiện việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

7. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Hướng dẫn xây dựng, đôn đốc triển khai Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và kế hoạch cải cách hành chính nhà nước hàng năm.

- Tiếp tục triển khai đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước hàng năm đối các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổ chức điều tra xã hội học xác định Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức về sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền, phổ biến chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của Chính phủ và Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh, của huyện.

- Tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính, chú trọng công tác hậu kiểm, kịp thời chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

a. Trên cơ sở Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác, kế hoạch cải cách hành chính hàng năm để thực hiện; gửi về UBND huyện (*qua Phòng Nội vụ*) để phục vụ công tác theo dõi, đánh giá. Thời gian ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm của đơn vị, địa phương chậm nhất là ngày 25 tháng 12 của năm trước liền kề năm kế hoạch.

b. Tăng cường phối hợp, đơn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương mình; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng tiện ích dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và dịch vụ bưu chính công ích.

c. Lập dự toán ngân sách thực hiện công tác cải cách hành chính hàng năm gửi cơ quan chức năng để xem xét, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

d. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra tại Kế hoạch này và các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum do UBND tỉnh ban hành⁽³⁾.

d. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá nghiêm túc, trung thực, khách quan kết quả thực hiện cải cách hành chính; siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức trong triển khai từng nhiệm vụ cải cách hành chính.

2. Phòng Nội vụ

a. Là cơ quan đầu mối, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện; hướng dẫn, đơn đốc, theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh và của huyện. Định kỳ sơ kết, đánh giá việc thực hiện kế hoạch ở các đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân huyện.

b. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và dự toán ngân sách thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm.

³ Ban hành kèm theo Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 12 ngày 7 năm 2021.

c. Kiểm tra, tổng hợp việc thực hiện kế hoạch, báo cáo Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất.

d. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về công tác cải cách hành chính cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, địa phương trên địa bàn huyện.

d. Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện tự đánh giá, chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính hàng năm của huyện theo yêu cầu của Sở Nội vụ.

e. Chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo triển khai đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

g. Chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo, đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện cải cách hành chính đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương; đề nghị khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính, đồng thời đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét kỷ luật đối với những trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ được giao theo đúng quy định.

h. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính.

i. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, tổ chức thực hiện tốt các lĩnh vực về *Chỉ đạo điều hành cải cách hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Việc chấp hành quy chế văn hóa công sở, kỷ luật, kỷ cương hành chính* của Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum do UBND tỉnh ban hành.

3. Phòng Tư pháp

a. Chủ trì tham mưu, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện các nội dung về cải cách thể chế.

b. Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của huyện.

c. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế trên địa bàn huyện.

d. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, tổ chức thực hiện tốt lĩnh vực về *Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật* của Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum do UBND tỉnh ban hành.

4. Văn phòng HĐND-UBND huyện

a. Chủ trì quản lý, vận hành Cổng thông tin điện tử của huyện; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả điện tử một cửa huyện; thực hiện công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính các cấp trên Cổng thông tin điện tử, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả điện tử một cửa huyện. Kịp thời thực hiện thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính trên Cổng thông tin điện tử

tỉnh. Phối hợp với các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân huyện trong công tác tổ chức lấy ý kiến dự thảo trên Trang thông tin điện tử của huyện.

b. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện, chương trình công tác của Ủy ban nhân dân huyện.

c. Đầu mối tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Theo dõi, quản lý và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho hệ thống cán bộ đầu mối làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại các cơ quan, địa phương.

d. Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa - Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch, các đơn vị, địa phương đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử của huyện.

d. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn huyện.

e. Chủ trì thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính; phối hợp với Phòng Nội vụ kiểm tra việc giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị.

g. Phối hợp với Phòng Tài chính hướng dẫn cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kinh phí chi cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

h. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, tổ chức thực hiện tốt lĩnh vực *Cải cách thủ tục hành chính*; triển khai thực hiện các nhiệm vụ về *Hiện đại hóa nền hành chính* đối với những nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao và trong Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum do UBND tỉnh ban hành.

5. Phòng Tài chính – Kế hoạch:

a. Chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công; đổi mới cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

b. Chủ trì tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm theo định mức quy định, trong đó bao gồm kinh phí thực hiện cải cách hành chính.

c. Hướng dẫn các đơn vị, địa phương lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

d. Theo dõi, tổng hợp báo cáo việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách tài chính công trên địa bàn huyện.

d. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, tổ chức thực hiện tốt lĩnh vực về *Cải cách tài chính công* của Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum do UBND tỉnh ban hành.

6. Phòng Văn hóa - Thông tin

a. Chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ, Văn phòng HĐND-UBND huyện tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo thực hiện các nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan

hành chính nhà nước theo kế hoạch; tổ chức triển khai các hoạt động liên quan đến công tác xây dựng Chính quyền điện tử.

b. Phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND huyện hướng dẫn công tác quản lý, vận hành các Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

c. Theo dõi, tổng hợp báo cáo việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu về công nghệ thông tin.

d. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, tổ chức thực hiện tốt những nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao trong của Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum do UBND tỉnh ban hành.

7. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

a. Chủ trì, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng TCVN ISO 9001 theo Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện hệ thống tiêu chuẩn chất lượng TCVN ISO 9001 được triển khai trong các cơ quan hành chính.

b. Theo dõi, đôn đốc việc triển khai Kế hoạch số 3257/KH-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ và Chương trình số 42-CTr/TU ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (*khóa XII*) về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

c. Chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu, trình cấp có thẩm quyền phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển cho các đề án, dự án, kế hoạch về cải cách hành chính có sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

d. Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện tổ chức đối thoại với doanh nghiệp để tiếp nhận, xử lý những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp theo thẩm quyền.

d. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp đẩy mạnh Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI); đẩy mạnh việc thu hút đầu tư.

g. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, tổ chức thực hiện tốt đối với những nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao trong Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum do UBND tỉnh ban hành.

9. Phòng Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ công ngành giáo dục; đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa giáo dục; chủ trì thực hiện việc đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

10. Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch & Truyền thông

a. Thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch trên địa bàn huyện.

b. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo chí, Phòng Nội vụ, Văn phòng HĐND-UBND huyện, Phòng Văn hóa - Thông tin và các đơn vị liên quan xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về cải cách hành chính để tuyên truyền, phản hồi ý kiến người dân, doanh nghiệp, tổ chức về cải cách hành chính của cơ quan hành chính các cấp; xây dựng các chương trình gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo huyện với người dân, doanh nghiệp liên quan thủ tục hành chính trên sóng phát thanh truyền hình,...

11. Phòng Y tế: Tăng cường chất lượng cung ứng dịch vụ y tế công trên địa bàn huyện, chủ trì thực hiện việc xây dựng phương pháp đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với các dịch vụ y tế công.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân huyện (*qua Phòng Nội vụ*) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (p/h);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (c/đ);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện (t/h);
- UBND các xã, thị trấn t/h);
- Công an huyện t/h);
- Ban Chỉ huy Quân sự huyện t/h);
- Bảo hiểm xã hội huyện t/h);
- TT VH-TT&DL; Công TTĐT huyện (đ/t);
- Lưu: VT, CCHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Y Thanh